TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2025/KDTM-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đông

2. Ông Nguyễn Tùng Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST-KDTM, ngày 13 tháng 10 năm 2025, tranh chấp về kinh doanh thương mại *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2025/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần L; trụ sở chính Tòa nhà L1, số B, đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Vũ Quốc K – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Văn H và Hồng Quốc Đ; đều là Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ liên hệ số A, đường T, phường L, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 1168/2025/QĐ-VL, ngày 19/8/2025) (vắng mặt ông Đ, có mặt ông H)

*** Bị đơn:** Phùng Thị Ngọc T, sinh ngày 22/11/1977; căn cước công dân số 086177007316; địa chỉ số E, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Phùng Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/12/1979; căn cước công dân số 086179003156; địa chỉ số E, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2025 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu vay vốn của khách hàng, sau khi bàn bạc Ngân hàng thương mại cổ phần L – Chi nhánh V (viết tắt là Ngân hàng) thống nhất cho bà Phùng Thị Ngọc T vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số: HDTD67D202300086, ngày 28/6/2023, phương thức cho vay từng lần; mục đích cho vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng mô tô; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả không quá 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày 29/6/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T đủ số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) theo Khế ước nhận nợ số: 67D202300086/01, ngày 29/6/2023; đến ngày 21/02/2024, Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho bà T số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số: 67D202300086/02.

Để bảo đảm khoản vay trên, bà T có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300086, ngày 28/6/2023. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 485, tờ bản đồ 12, diện tích 98,9m^2, tọa lạc tại Phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long, do bà T đứng tên.

Ngoài ra, bà Phùng Thị Ngọc T1 còn thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300087, ngày 28/6/2023. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 608, tờ bản đồ 33, diện tích 102,6m^2, tọa lạc tại khóm F, Phường E, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, do bà T1 đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán đủ tiền gốc, lãi của Khế ước nhận nợ số: 67D202300086/02, ngày 21/02/2024, Ngân hàng đã tất toán xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với Khế ước nhận nợ số: 67D202300086/01, ngày 29/6/2023, bà T chưa thanh toán tiền gốc, chỉ thanh toán tiền lãi đến ngày 26/02/2025 bằng 201.530.189đ, nhưng sau đó không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ tạo điều kiện cho bà T thanh toán nhưng bà vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ giữa các bên đã ký kết thì bà T đã vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền gốc, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn bằng 3.594.168.000đ (tiền gốc 2.999.999.000đ và tiền lãi 594.169.000đ; Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T trả hết nợ. Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn Phùng Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị Ngọc T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các đương sự không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sựviệc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 99, 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 292, 293, 299, 301, 303, 317, 318, 319, 325, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L. Buộc bà Phùng Thị Ngọc T trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi bằng 3.594.168.000đ và tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 29/12/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc. Trường hợp bà T không khả năng trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc bà T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 103.883.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Xét thấy nguyên và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh; việc ký kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ tại phường L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là vụ án dân sự tranh chấp về kinh doanh thương mại "*Hợp đồng tín dụng"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bà Phùng Thị Ngọc T (là bị đơn không có yêu cầu phản tố) và bà Phùng Thị Ngọc T1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, bà T1.

[3] **Về nội dung**: Căn cứ Hợp đồng hạn mức tín dụng số: HDTD67D202300086, ngày 28/6/2023 và Khế ước nhận nợ số: 67D202300086/01, ngày 29/6/2023 cho thấy bà Phùng Thị Ngọc T có ký kết giao dịch dân sự với Ngân hàng thương mại cổ phần L và nhận số tiền gốc 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) là có thật. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán được 201.530.189đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Đến hạn trả nợ nhưng bà T không thanh toán nên toàn bộ số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/02/2025. Tính đến ngày 29/12/2025, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng bằng 3.594.168.000đ (tiền gốc 2.999.999.000đ và tiền lãi 594.169.000đ). Xét thấy, việc bà T không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, như vậy khẳng định hiện bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi bằng 3.594.168.000đ, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 100; Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

[5] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300086, ngày 28/6/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300087, ngày 28/6/2023 giữa bà T, bà T1 với Ngân hàng, cho thấy các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai là phù hợp với khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 119, 501, 502 của Bộ luật Dân sự và Điều 4 của Nghị định số: 99/2022/NĐ-CP, ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, cho nên các Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[6] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này bằng 1.500.000đ theo

quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7] **Về án phí:** Bà T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 103.883.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nội dung

Buộc bà Phùng Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L tổng số tiền làm tròn bằng 3.594.168.000đ (Ba tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 2.999.999.000đ và tiền lãi 594.169.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Phùng Thị Ngọc T không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300086, ngày 28/6/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC67D202300087, ngày 28/6/2023 đều được chứng nhận tại Văn phòng C1, ngày 28/6/2023 và đăng ký thế chấp ngày 28/6/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ2), tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Chi phí tố tụng khác: Buộc bà Phùng Thị Ngọc T nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần L.

3. Án phí

Buộc bà Phùng Thị Ngọc T nộp 103.883.000đ (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm tám mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần L được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0004192, ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,…

Võ Tấn Thành